

**CÔNG TY TNHH MINH THIÊN BEARINGS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MINH THIÊN BEARINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3702971223

**3. Ngày thành lập:** 13/04/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

4E, Đường D2, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0962816281

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết : bán buôn linh kiện máy móc dùng trong nông nghiệp, công nghiệp, thiết bị điện.                                                                                                          | 4690(Chính) |
| 2.  | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)                                                                                                      | 4730        |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                    | 4752        |
| 4.  | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                          | 2710        |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                  | 3314        |
| 6.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                      | 4652        |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                  | 4653        |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                         | 4659        |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan chi tiết: Bán buôn than đá, nhiên liệu rắn khác (không hoạt động tại trụ sở). Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm có liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG) | 4661        |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ mua bán vàng miếng).                                                                                                                                                           | 4662        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết : bán buôn sắt thép, cát, sỏi, đá, vật liệu dùng trong xây dựng.                                                                                    | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn các sản phẩm nhựa; bán buôn giấy; bìa carton; nguyên vật liệu ngành in; bán buôn lịch Bán buôn hóa chất khác (không tồn trữ hóa chất). Bán buôn cao su. Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép. Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh. | 4669                                                         |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4641                                                         |
| 14. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812                                                         |
| 15. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: thiết kế đồ họa; - Hoạt động thiết kế nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng).                                                                                                                                                                           | 7410                                                         |
| 16. | In ấn<br>(trừ in tráng bao bì kim loại, in trên sản phẩm vải, sợi, dệt, may đan tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                              | 1811                                                         |
| 17. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                                                                                 | 8219                                                         |
| 18. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7310                                                         |
| 19. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                         | 2591                                                         |
| 20. | Sản xuất các cấu kiện kim loại<br>(không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                          | 2511                                                         |
| 21. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu<br>(không hoạt động tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                        | 1709                                                         |
| 22. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                      | 1702                                                         |
| 23. | Sản xuất sản phẩm từ plastic<br>(không hoạt động tại trụ sở) (trừ Sản Xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)                                                                                                                                                           | 2220                                                         |
| 24. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                              | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 4.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 13/04/2021 đến ngày 13/05/2021

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ DIỄM THÚY

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/05/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 056192000105

Ngày cấp: 31/05/2019

Nơi cấp: Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính  
về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 334 B4 Phan Văn Trị , Phường 11, Quận Bình Thạnh,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 334 B4 Phan Văn Trị , Phường 11, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ  
Chí Minh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương